

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;  
Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty cổ phần PIV;  
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần PIV ngày 19/04/2023,

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần PIV (Quy chế đính kèm).

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông/bà Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban, cá nhân, tổ chức có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Các TV HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT Công ty;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1904C/2023/HĐQT-NQ ngày 19/04/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần PIV)

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về cách thức, trình tự thực hiện việc công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần PIV đối với cổ đông, nhà đầu tư, các cơ quan có thẩm quyền, xác định công việc và trách nhiệm của Bộ phận công bố thông tin, các Phòng ban chuyên môn, cá nhân, đơn vị liên quan đến hoạt động công bố thông tin tại Công ty cổ phần PIV.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

- Người thực hiện công bố thông tin và Bộ phận công bố thông tin;
- Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của Người nội bộ;
- Trưởng các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc;
- Cổ đông Công ty cổ phần PIV;
- Nhà đầu tư/Nhóm nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

#### 1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty;
- Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đại chúng;
- Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

#### 2. Người nội bộ của Công ty bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;

b) Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

b) Người đại diện theo pháp luật;

c) Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm;

d) Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

3. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

đ) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

e) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Người thực hiện công bố thông tin, Bộ phận công bố thông tin có trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật doanh nghiệp.

2. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân như Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ, thông tin chỉ được công bố nếu cá nhân đó đồng ý.

Nếu cá nhân đó không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin.

3. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

5. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt và được lưu trữ, bảo quản tại Công ty dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, trên website của Công ty tối thiểu 05 năm đối với thông tin công bố bất thường.

6. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin sẽ vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

#### **Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Người thực hiện công bố thông tin là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi tắt là UBCKNN) và Sở Giao dịch Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Sở GDCK) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định.

#### **Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
  - a. Trang thông tin điện tử của Công ty (website);
  - b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  - c. Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở GDCK;
  - d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
  - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCK, trang thông tin điện tử của Sở GDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCK, Sở GDCK.

#### **Điều 6. Công bố thông tin định kỳ**

1. Công ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

2. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo mẫu quy định trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

3. Công ty phải công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

4. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

5. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

6. Thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ).

a. Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

b. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ.

7. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

a. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao

dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

b. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

c. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

### **Điều 7. Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

u) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được

soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);

v) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc thực hiện công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Công ty thực hiện công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự hợp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

4. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

#### **Điều 8. Công bố thông tin của các đối tượng khác**

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

Công ty công bố trên trang thông tin điện tử trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được Báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ Công ty và người có liên quan của người nội bộ.

Công ty công bố trên website trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

#### **Điều 9. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào mua công khai.

#### **Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...) và phải báo cáo UBCK Nhà nước, Sở GDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

#### **Điều 11. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền.**

1. Hình thức thực hiện

- a. Trao đổi thông qua email được đăng ký của Công ty;
- b. Tiếp xúc thông qua các buổi gặp mặt, trao đổi, họp trực tiếp;
- c. Qua điện thoại liên lạc của Công ty;
- d. Bằng văn bản.

2. Phương thức thực hiện:



Khi cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền cần thông tin, người thực hiện công bố thông tin trả lời các thông tin thuộc nội dung thông tin phải công bố. Trong trường hợp thắc mắc, yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền không thuộc danh mục thông tin phải công bố thì người thực hiện công bố thông tin có thể tham khảo ý kiến của cấp lãnh đạo có thẩm quyền, đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng và các bộ phận khác có liên quan khi cần thiết để phản hồi kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

3. Mô tả chi tiết các quy trình:

a. Quy trình công bố thông tin định kỳ và nhiệm vụ của các bên liên quan

Quy trình	Bộ phận chịu trách nhiệm
Bước 1. Thông báo thông tin công bố	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc nhở thông tin phải công bố tới Đơn vị/Phòng/Ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có) về nội dung và thời hạn thông tin cần công bố.</li> <li>- Hiểu rõ các quy định về công bố thông tin.</li> </ul>
Bước 2. Cung cấp thông tin định kỳ	Đơn vị/Phòng/Ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo, bản công bố thông tin.</li> <li>- Trình Tổng Giám đốc hoặc Người phụ trách phê duyệt trước khi chuyển cho Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin.</li> </ul>
Bước 3. Xem xét nội dung	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành công bố thông tin;</li> <li>- Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo đầy đủ và kịp thời</li> </ul>
Bước 4. Công bố thông tin	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công bố thông tin trên các kênh theo quy định của Quy chế này;</li> <li>- Đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.</li> </ul>
Bước 5. Lưu trữ	Bộ phận thực hiện công bố thông tin, Bộ phận văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ các thông tin đã được công bố đầy đủ, kịp thời.

b. Quy trình công bố thông tin bất thường

Quy trình	Bộ phận chịu trách nhiệm
Bước 1. Thông báo thông tin bất thường cần công bố	Các Tổ chức, cá nhân, đơn vị/phòng/ban có liên quan: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên hệ, trao đổi, thông báo với Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin để biết thông tin phát sinh có thuộc nội dung thông tin cần công bố bất thường;</li> </ul>

Quy trình	Bộ phận chịu trách nhiệm
	- Lập bản công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin phát sinh để bộ phận/người thực hiện công bố thông tin thực hiện việc công bố kịp thời theo quy định.
Bước 2. Cung cấp thông tin bất thường phải công bố	<p>Các Tổ chức, cá nhân, đơn vị/phòng/ban có liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo, bản công bố thông tin.</li> <li>- Trình Tổng Giám đốc hoặc Người phụ trách phê duyệt trước khi chuyển cho Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin.</li> <li>- Gửi đầy đủ tài liệu, báo cáo cần công bố cho Bộ phận công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định.</li> </ul>
Bước 3. Xem xét nội dung	<p>Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành công bố thông tin;</li> <li>- Đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời của thông tin cần công bố.</li> </ul>
Bước 4. Công bố thông tin	<p>Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công bố thông tin trên các kênh theo quy định của Quy chế này;</li> <li>- Đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.</li> </ul>
Bước 5. Lưu trữ	Bộ phận thực hiện công bố thông tin, Bộ phận văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ các thông tin đã được công bố đầy đủ, kịp thời.

**Điều 12. Trách nhiệm của Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin**

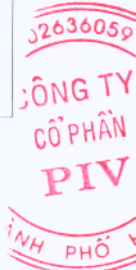
1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin;
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin.
4. Thực hiện các công việc khác được giao.

**Điều 13. Trách nhiệm các đơn vị/phòng/ban/cá nhân liên quan**

1. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin.
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Bộ phận công bố thông tin.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Bộ phận công bố thông tin.

**Điều 14. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung tại Quy chế này, quy định pháp luật về công bố thông tin gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bồi thường thiệt hại theo quy định.



### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

Quy chế này bao gồm 16 Điều, đã được Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua ngày 19/04/2023. Trong quá trình thực hiện có các vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật, Công ty có thể trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng quản trị ký ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh việc công bố thông tin của Công ty.

Người chịu trách nhiệm công bố thông tin, người được ủy quyền công bố thông tin và các bộ phận chuyên môn liên quan, các đối tượng liên quan tổ chức thực hiện việc thi hành quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

